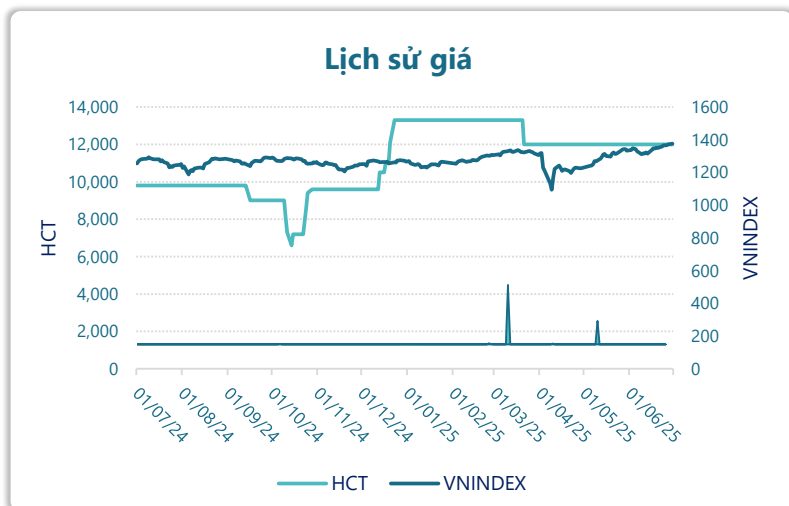


CTCP Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng (HNX: HCT)



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	12,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,600
SL cổ phiếu LH	2,016,385
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	24
P/E	24.5
EPS	490

DT thuần

Q2/25

7.88

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.67 | 9.3%

YoY: ▼ 0.89 | -10.2%

LN sau thuế

Q2/25

0.17

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.06 | 57.7%

YoY: ▼ 0.17 | -49.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

2.9%

+/- YoY: ▼ 1.0%

DT thuần

6T 2025

15.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.60 | 4.2%

LN sau thuế

6T 2025

0.29

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.76 | 161%

ROE

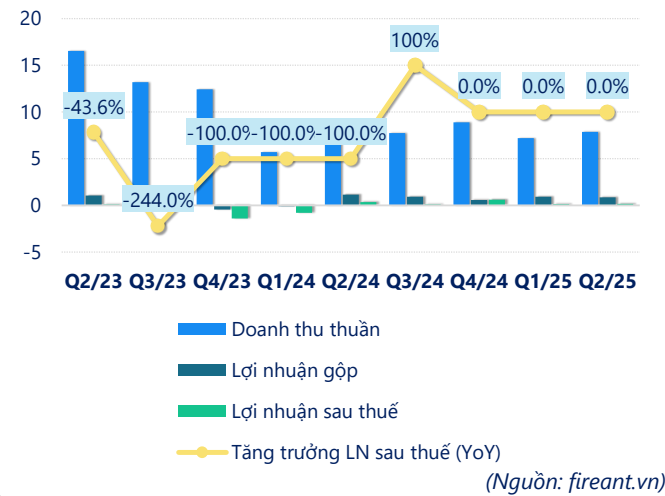
Q2/25

2.6%

+/- YoY: ▲ 8.7%

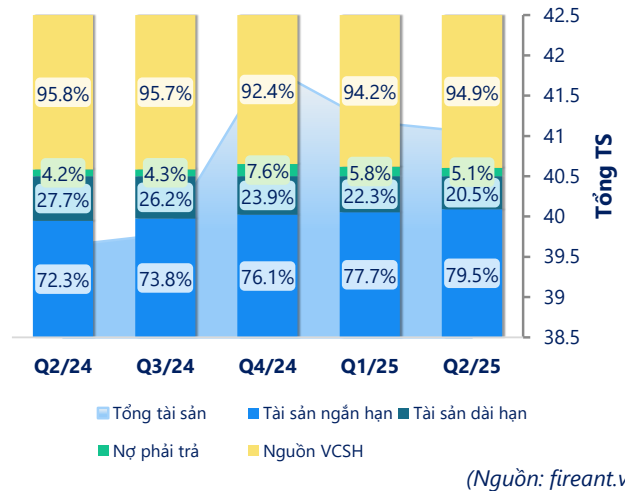
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

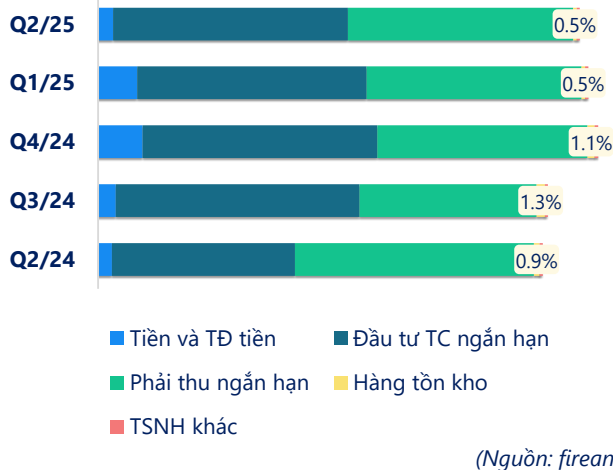


Cơ cấu Tổng tài sản

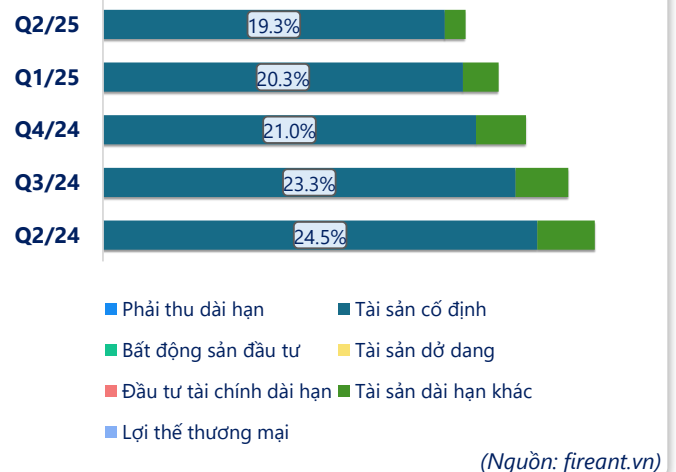
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

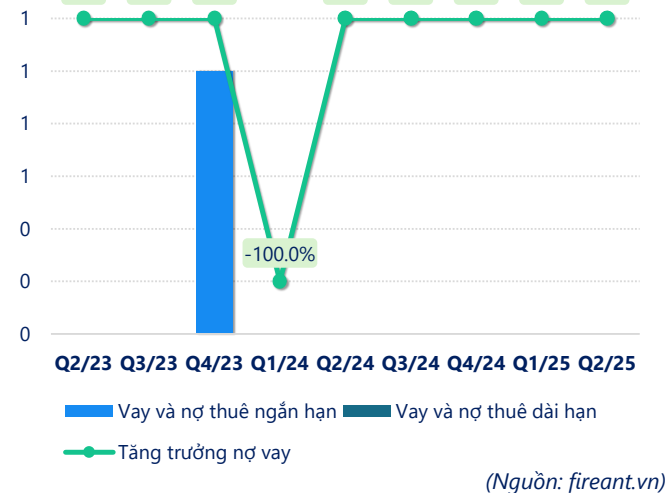


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



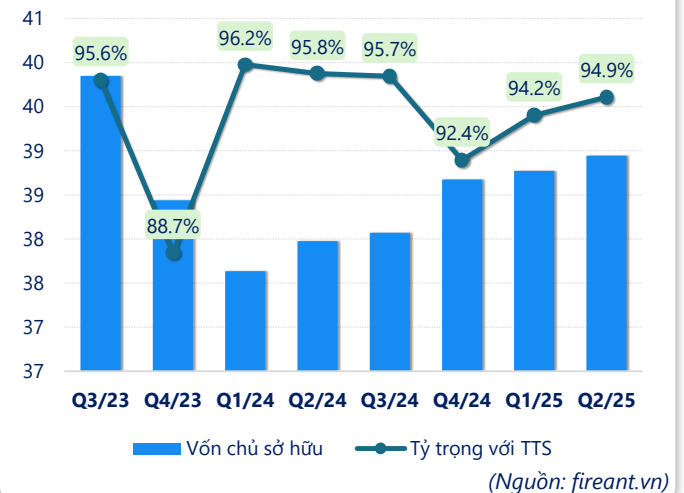
tỷ VNĐ

Nợ vay

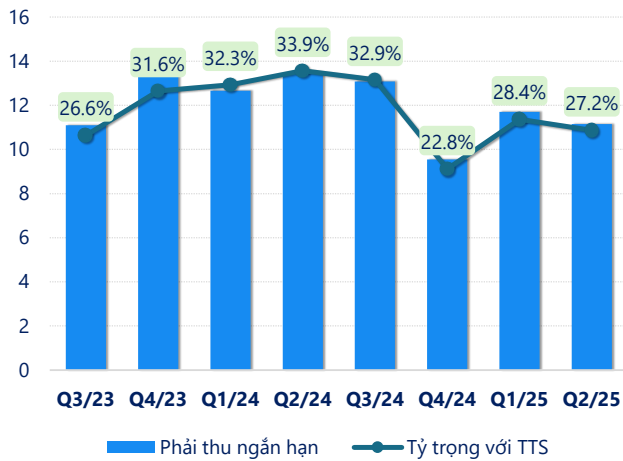


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

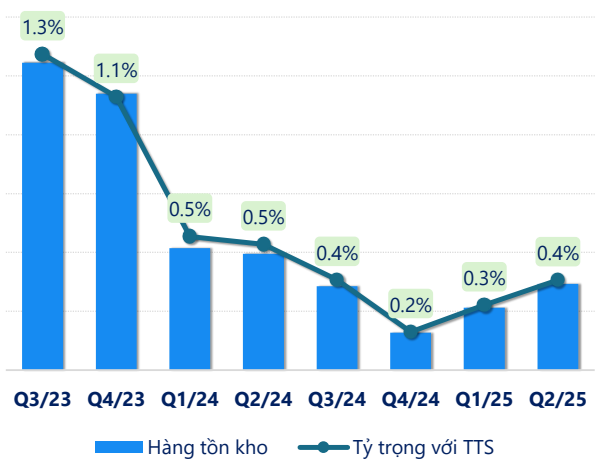


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


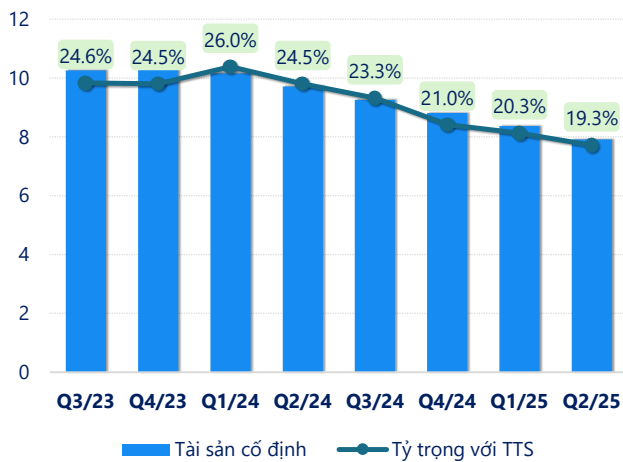
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


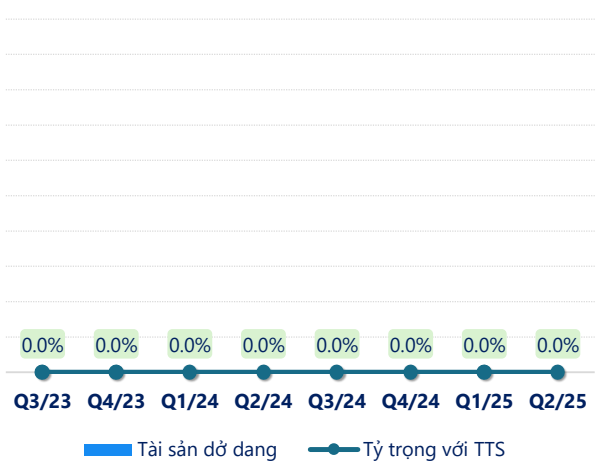
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

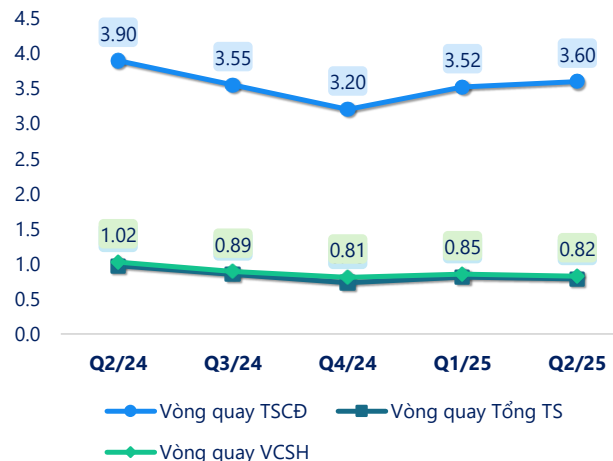
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	39.6	39.8	41.9	41.2	41.0
Tài sản ngắn hạn	28.6	29.3	31.9	32.0	32.6
Tiền và tương đương tiền	0.82	1.06	2.81	2.43	0.93
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.0	14.8	19.3	17.6	20.4
Phải thu ngắn hạn	13.4	13.1	9.54	11.7	11.2
Hàng tồn kho	0.20	0.14	0.06	0.11	0.15
Tài sản ngắn hạn khác	0.18	0.21	0.13	0.10	0.07
Tài sản dài hạn	11.0	10.4	9.99	9.19	8.40
Phải thu dài hạn	0.00	0	0	0	0
Tài sản cố định	9.71	9.26	8.81	8.36	7.91
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	1.28	1.18	1.18	0.83	0.48
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1.66	1.71	3.19	2.41	2.10
Nợ ngắn hạn	1.66	1.71	3.19	2.41	2.10
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	0.82	0.71	0.77	1.10	0.76
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	38.0	38.1	38.7	38.8	38.9
Vốn chủ sở hữu	38.0	38.1	38.7	38.8	38.9
Vốn điều lệ	20.2	20.2	20.2	20.2	20.2
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)